TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2018/QĐST-HNGĐ	*Thị xã Kỳ Anh, ngày 26 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày: 21-03-1980

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh ngày: 10-08-1988

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã K;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Mạnh T – Giám đốc

Địa chỉ: Tổ dân phố Lo, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Ông Nguyễn Phi S và bà Vương Thị Ng;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Ông Nguyễn Văn B;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh;

4. Ông Hoàng Văn Th;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ vào các điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3, 4 điều 147 bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a, b khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 26, điểm a, b khoản 5, khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18-04-2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18-04-2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị L đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2008. Chị Trần Thị L nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Ngân Th, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2012. Anh H, chị L không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị L thống nhất thỏa thuận việc phân chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn H được quyền sử hữu và sử dụng các tài sản sau:

1) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead có trị giá 30.000.000 đồng, mang biển kiểm soát 38K1-245.97; Số khung: 596137; Số máy: 0216532; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị L; Địa chỉ: Xóm 11, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh).

2) Anh Nguyễn Văn H đồng ý đưa lại cho chị Trần Thị L số tiền mặt chênh lệch từ việc phân chia tài sản chung của vợ chồng là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng);

Chị Trần Thị L được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản và trả các khoản nợ sau:

1) Chị Trần Thị L được nhận lại từ anh Nguyễn Văn H số tiền mặt chênh lệch từ việc phân chia tài sản chung của vợ chồng với số tiền là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng);

2) Chị Trần Thị L nhận thực hiện trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 18-4-2018 là 19.595.000 đồng (Mười chín triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và tiền lãi thỏa thuận theo hợp đồng vay số 3716-LAV-201301662 ngày 05-11-2014, từ ngày 19-4-2018 cho đến khi chị Trần Thị L trả hết các khoản nợ cho ngân hàng;

Thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn B số tiền mua điều hòa là 3.850.000 đồng (Ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng);

Thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Hoàng Văn Th số tiền vay 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Tài sản là nhà, đất các đương sự thừa nhận là tài sản thuộc quyền sở hữu của cha mẹ chồng là ông Nguyễn Phi S, bà Vương Thị Ng, tài sản khác là khoản tiền đầu tư tại đất nước Cộng hòa Angola, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Chấp nhận sự thỏa thuận, anh Nguyễn Văn H nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho cả chị Trần Thị L là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc được phân chia tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead. Nhưng anh Nguyễn Văn H được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006895 ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Nay anh Nguyễn Văn H phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng).

Chị Trần Thị L nhận nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc nhận số tiền chênh lệch từ việc phân chia tài sản chung vợ chồng là 2.075.000 đồng (Hai triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng); Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã K là 1.739.875 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng); Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trả nợ cho ông Nguyễn Văn B là 96.500 đồng (Chín mươi sáu ngàn, năm trăm đồng); Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trả nợ ông Hoàng Văn Th là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải nộp cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 20 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- UBND phường K;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thạch